**NS: 15/03/2023**

 **ND: 27/03/2023**

**Tiết 53+54:** **ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Củng cố, ôn tập các kiến thức đã học.

- Vận dụng các kiến thức đã học để giải một số bài tập , giải thích được một số hiện tượng thường gặp trong thực tế.

- Chuẩn bị các kiến thức cho bài Kiểm tra giữa kì 2.

**2. Kĩ năng:**

-Rèn kĩ năng giải bài tập cho HS

**3.Thái độ**: Nghiêm túc, cẩn thận.

**II.CHUẨN BỊ**

-Giáo viên :

+ Đề cương ôn tập

+ Ma trận đề kt giữa kì

-Học sinh : Sgk và vở ghi chép và đề cương

**III.CHUỖI CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** | **NỘI DUNG** |
| **A. HỆ THỐNG HÓA KIẾN THỨC** |
| **1.Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**-Hướng dẫn HS ôn lại một số nội dung đã học ở phần phụ lục **2. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**- Gọi một số HS lên trả lời- Yêu cầu HS cả lớp nhận xét - GV đánh giá, nhận xét và chốt lại kiến thức trọng tâm. | **1. Thực hiện nhiệm vụ học tập:**-Ôn và nhắc lại một số nội dung đã học ở học **2. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- Đại diện mỗi HS trình bày nội dung đã học.- Các HS khác có ý kiến bổ sung | **I.LÝ THUYẾT****1. Cảm ứng điện từ****2. Khúc xạ ánh sáng** |
| **B.** **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG** |
| **1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**- HD, gợi ý cho HS để trả lời bài tập trắc nghiệm và bài tập tự luận ở phụ lục.-Gọi lần lượt các học sinh lên trả lời và làm bài tập phần tự luận.**2. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**+ Yêu cầu HS nhận xét kết quả của bạn và tự nhận xét kết quả của mình.- Chính xác hóa các kiến thức cho học sinh.***\*Dặn dò*:** - Ôn tập kĩ nội dung đã học và làm các dạng bài tập trong đề cương để tiết sau kt giữa kì 2. | **1. Thực hiện nhiệm vụ học tập:**- HS làm việc cá nhân làm bài tập phần trắc nghiêm.-Hoạt động nhóm theo bàn làm bài tập phần tự luận.**2. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**-Lên bảng làm các bài tập- HS nhận xét kết quả của bạn và tự nhận xét kết quả của mình theo hướng dẫn của GV.- Các nhóm khác có ý kiến bổ sung.-Sửa bài tập vào vở | **II.BÀI TẬP**Dựng ảnh một vật qua thấu kính hội tụ, thấu kính phân kỳ; nêu đặc điểm của ảnh. Giải bài toán về thấu kính hội tụ, thấu kính phân kỳ. |

**PHỤ LỤC:**

**PHẦN 1: LÝ THUYẾT**

**Cảm ứng điện từ.**

- Dòng điện xoay chiều. Các tác dụng của dòng điện xoay chiều.

- Nêu được nguyên tắc cấu tạo của máy phát điện xoay chiều.

- Giải thích được nguyên tắc hoạt động của máy phát điện xoay chiều có khung dây quay hoặc có nam châm quay.

- Nêu được các số chỉ của ampe kế và vôn kế xoay chiều cho biết giá trị hiệu dụng của cường độ dòng điện và của hiệu điện thế xoay chiều.

- Nêu được dấu hiệu chính để phân biệt dòng điện xoay chiều với dòng điện một chiều.

- Nêu được công suất hao phí trên đường dây tải điện tỉ lệ nghịch với bình phương của hiệu điện thế hiệu dụng đặt vào hai đầu dây dẫn.

- Nhận biết được cấu tạo của máy biến thế và giải thích được nguyên tắc hoạt động của máy biến thế.

**Khúc xạ ánh sáng**

- Mô tả được hiện tượng khúc xạ ánh sáng trong trường hợp ánh sáng truyền từ không khí sang nước và ngược lại.

- Thấu kính hội tụ: nhận biết cấu tạo. Nêu được tiêu điểm (chính), tiêu cự của thấu kính. Mô tả được đường truyền của tia sáng đặc biệt qua thấu kính hội tụ. Nêu được trong trường hợp nào thấu kính hội tụ cho ảnh thật và cho ảnh ảo của một vật và chỉ ra được đặc điểm của các ảnh này.

- Thấu kính phân kì: nhận biết cấu tạo. Mô tả được đường truyền của các tia sáng đặc biệt qua thấu kính phân kì. Nêu được các đặc điểm về ảnh của một vật tạo bởi thấu kính phân kì.

- Dựng ảnh một vật qua thấu kính hội tụ, thấu kính phân kỳ; nêu đặc điểm của ảnh. Giải bài toán về thấu kính hội tụ, thấu kính phân kỳ.

**PHẦN 2: BÀI TẬP THAM KHẢO**

**I.Phần trắc nghiệm : Hãy khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng**

**Câu 1:** Dòng điện xoay chiều là dòng điện có chiều:

A.Đi từ cực âm sang cực dương B. Đi từ cực dương sang cực âm.

C. Không đổ. D. Luân phiên đổi chiều.

**Câu 2:** Dựa vào tác dụng nào của dòng điện mà ta có thể phát hiện được dòng điện là dòng điện một chiều hay dòng điện xoay chiều?

A. Nhiệt B. Từ C. Hoá học D. Quang

**Câu 3:** Dùng ampe kế có kí hiệu AC có thể đo được:

A. Giá trị cực đại của cường độ dòng điện xoay chiều

B. Giá trị không đổi của cường độ dòng điện một chiều

C. Giá trị nhỏ nhất của dòng điện xoay chiều

D. Giá trị hiệu dụng của cường độ dòng điện xoay chiều

**Câu 4:** Máy phát điện xoay chiều bắt buột phải gồm các bộ phận chính nào để có thể tạo ra dòng điện?

A. Nam châm vĩnh cửu và sợi dây dẫn nối hai cực nam châm.

B. Nam châm điện và sợi đây dẫn nối nam châm với đèn.

C. Cuộn dây dẫn và nam châm.

D. Cuộn dây dẫn và lõi sắt.

 **Câu 5:** Thêm vào chỗ trống nội dung còn thiếu để được câu trả lời đúng.

 Khi số đường sức từ xuyên qua tiết diện S của cuộn dây dẫn kín biến thiên thì trong

 cuộn dây dẫn xuất hiện......................

 **Câu 6:** Trong máy phát điện xoay chiều, bộ phận đứng yên gọi là:

 A. Nam châm B. Rôto C. Cuộn dây dẫn D. Stato

 **Câu 7:** Trong máy phát điện xoay chiều, roto hoạt động như thế nào khi máy làm việc?

 A. Luôn đứng yên

 B. Chuyển động đi lại như con thoi

 **C. Luôn quay tròn quanh một trục theo một chiều**

D. Luân phiên đổi chiều quay

**Câu 8**: Một trạm phát điện có công suất P = 30 kw và hiệu điện thế là U = 1000 V. Khi truyền tải điện năng đi xa với đường dây có điện trở R = 6 Ω, thì công suất hao phí do tỏa nhiệt trên đường dây là :

 A. 450 W B. 5400 W C. 4500 W D. 30 000W

**Câu 9:** Với cùng một công suất điện truyền đi, công suất hao phí toả nhiệt trên đường dây tải điện sẽ thay đổi như thế nào nếu tăng tiết diện của dây dẫn lên 3 lần.

A/ Giảm 3 lần B/ Tăng 3 lần C/ Giảm 9 lần D/ Tăng 9 lần.

**Câu 10**. Trước khi truyền tải năng lượng điện, nếu tăng hiệu điện thế đầu nguồn lên gấp 30 lần, thì công suất hao phí trên đường dây tải điện sẽ:

 A. Giảm 250.000 lần B. Giảm 10.000 lần C. Tăng 25.000 lần D. Giảm 900

**Câu 11:** Thấu kính hội tụ là loại thấu kính có:

1. Phần rìa dày hơn phần giữa C. Phần rìa mỏng hơn phần giữa
2. Phần rìa dày bằng phần giữa D. Hình dạng bất kì

**Câu 12**: Khi đặt vật trước dụng cụ quang học nào sau đây thì luôn cho ảnh ảo, cùng chiều và nhỏ hơn vật?

A. Máy ảnh B. Thấu kính hội tụ

C.Thấu kính phân kì D. Gương phẳng

**Câu 13:** Tia tới song song với trục chính của thấu kính phân kì cho tia ló:

A. đi qua tiêu điểm của thấu kính.

B. song song với trục chính của thấu kính.

C. cắt trục chính của thấu kính tại một điểm bất kì.

D. có đường kéo dài đi qua tiêu điểm.

**Câu 14:** Tia sáng qua thấu kính phân kì không bị đổi hướng là

A. tia tới song song trục chính thấu kính.

B. tia tới bất kì qua quang tâm của thấu kính.

C. tia tới qua tiêu điểm của thấu kính.

D. tia tới có hướng qua tiêu điểm (khác phía với tia tới so với thấu kính) của thấu kính.

**Câu 15:** Thấu kính phân kì là loại thấu kính:

A. có phần rìa dày hơn phần giữa.

B. có phần rìa mỏng hơn phần giữa.

C. biến chùm tia tới song song thành chùm tia ló hộ tụ.

D. có thể làm bằng chất rắn trong suốt.

**Câu 16:** Tia tới song song với trục chính của thấu kính hội tụ cho tia ló:

A. đi qua tiêu điểm của thấu kính.

B. song song với trục chính của thấu kính.

C. cắt trục chính của thấu kính tại một điểm bất kì.

D. có đường kéo dài đi qua tiêu điểm.

**Câu 17:** Khi nói về hình dạng của thấu kính phân kì, nhận định nào sau đây là sai?

A. Thấu kính có hai mặt đều là mặt cầu lồi.

B. Thấu kính có một mặt phẳng, một mặt cầu lõm.

C. Thấu kính có hai mặt cầu lõm.

D. Thấu kính có một mặt cầu lồi, một mặt cầu lõm, độ cong mặt cầu lồi ít hơn mặt cầu lõm.

**Câu 18.** Vật nằm trong khoảng tiêu cự của thấu kính hội tụ cho ảnh:

A/ Ảo, cùng chiều và lớn hơn vật B/ Ảo, cùng chiều và nhỏ hơn vật

C/ Thật, ngược chiều nhỏ hơn vật D/ Thật, ngược chiều nhỏ hơn vật.

lần

**Câu 19.** Vật AB đặt trước một thấu kính cho ảnh A’B’, ảnh và vật nằm về cùng một phía đối với thấu kính. Điều kiện thêm nào sau đây cho phép khẳng định thấu kính đó là thấu kính phân kỳ:

A. Ảnh là ảnh ảo B. Ảnh cao hơn vật C. / Ảnh thấp hơn vật D. Ảnh bằng vật

**Câu 20**: Vật AB đặt trước thấu kính hội tụ có tiêu cự f và cách thấu kính một khoảng OA thì cho ảnh thật A’B’ngược chiều và lớn hơn vật . Vậy điều nào sau đây là đúng ?

A. OA = f B. OA = 2f C. OA > 2f D. f < OA< 2f

**Câu 21:** Một TKHT có tiêu cự 10cm. Khoảng cách giữa hai tiêu điểm là:

1. 30cm, B. 20cm C. 40cm D. 5cm.

**Câu 22**: Chọn cụm từ thích hợp điền vào chỗ trống cho đúng ý nghĩa vật lí.

Khi tia sáng truyền từ không khí sang nước thì:

-Tia khúc xạ nằm trong(1)…………………………….

-Góc khúc xạ(2)……………..góc tới.

 **Câu 23:** Trong hiện tượng khúc xạ ánh sáng, phát biểu nào sau đây là đúng ?

 **A**. Góc tới bằng 00 thì góc khúc xạ bằng 00. B. Góc khúc xạ luôn bằng góc tới.

 C. Góc tới tăng thì góc khúc xạ giảm. D. Góc tới giảm thì góc khúc xạ tăng.

 **Câu 24:** Hình vẽ nào mô tả đúng đường truyền của các tia sáng qua thấu kính hội tụ là

1

F /

2

F /

3

F /

F

4

F /

 **Câu 25:** Tiêu cự là khoảng cách từ

 A. tiêu điểm đến trục chính B. tiêu điểm đến quang tâm

 C. quang tâm đến thấu kính D.thấu kính đến trục chính

**Câu 26:** Đặt một vật AB trước một thấu kính hội tụ, sao cho vật AB nằm trong khoảng tiêu cự. Ảnh của vật là

 A. ảnh ảo, cùng chiều, lớn hơn vật. C. ảnh thật, ngược chiều, lớn hơn vật.

 B. ảnh ảo, cùng chiều, nhỏ hơn vật. D. ảnh thật, cùng chiều, lớn hơn vật.

**Câu 27:** Vật AB đặt trước thấu kính hội tụ cho ảnh A’B’, ảnh và vật nằm về hai phía đối với thấu kính thì ảnh là

A. ảnh thật, ngược chiều với vật. B. ảnh thật luôn lớn hơn vật.

C. ảnh ảo, cùng chiều với vật. D. ảnh và vật luôn có độ cao bằng nhau

**Câu 28 :**Thấu kính hội tụ là một khối chất trong suốt, được giới hạn bởi:

A. hai mặt cầu lồi B. hai mặt cầu lõm

C. hai mặt phẳng D. một mặt cầu lõm và một mặt phẳng

**II. Tự luận**

**Câu 1**:Một vật sáng AB có dạng hình mũi tên được đặt vuông góc với trục chính của thấu kính hội tụ, điểm A nằm trên trục chính cách thấu kính một khoảng 25cm. Thấu kính có tiêu cự là 15 cm, chiều cao của vật là 10 cm.

a/ Hãy dựng ảnh A'B' của AB theo tỉ lệ , nêu cách vẽ và nêu đặc điểm của ảnh

b/ Tính chiều cao của ảnh và khoảng cách từ ảnh đến thấu kính.

**Câu 2:** Vật sáng AB = 4cm được đặt vuông góc với trục chính của một thấu kinh hội tụ có tiêu cực f = 12cm. Điểm A nằm trên trục chính cách thấu kính một khoảng 8 cm.

 a/ Vẽ ảnh của vật AB tạo bởi TKHT (vẽ đúng tỉ lệ) và nêu cách vẽ.

 b/ Tính chiều cao của ảnh A’B’ và khoảng cách từ ảnh A’B’ đến thấu kính.

**Câu 3:** Một vật AB=5cm có dạng mũi tên, đặt vuông góc với trục chính của một thấu kính phân kì có tiêu cự 10 cm, A nằm trên trục chính và cách thấu kính 15cm .

1. Vẽ ảnh A’B’ của AB tạo bởi thấu kính( đúng tỉ lệ) và trình bày cách vẽ .
2. Nêu đặc điểm của ảnh
3. Tính khoảng cách từ ảnh A’B’đến thấu kính và chiều cao của ảnh A’B’